

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-6-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên- kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 473/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thủy T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 1581 H, khu phố 3, phường P, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 648, ấp 3, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2021, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Thủy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Trần Văn T1 yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, chị T dọn về nhà cha mẹ ruột ở Thành phố Hồ Chí Minh để sống, còn anh T1 thì vẫn sống ở P1. Trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng cũng nhiều lần bàn bạc để đoàn tụ nhưng không T1. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Trần Thanh T3, sinh ngày 15/11/2010. Ly hôn, chị T xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công việc phụ bếp, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Từ lúc vợ chồng ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T1 hoàn toàn không có phụ giúp chuyện tiền bạc để nuôi con. Hiện cháu T3 đang học lớp 6 trường Trung học cơ sở P2.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Do bận công việc và không có điều kiện đi lại nên chị T xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử, chị T cam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Trần Văn T1 nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị Thủy T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thanh T3, sinh ngày 15/11/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Văn T1, hiện anh T1 sự đang sinh sống tại xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trương Thị Thủy T vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về hôn nhân: chị T và anh T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện N do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T nộp đơn xin ly hôn anh T1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh T1 tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T1 không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh T1 không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác theo lời khai của chị T thì vợ chồng đã tự sống ly thân được khoảng 02 năm nay, nhiều lần bàn bạc đoàn tụ nhưng không T1 chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

[3] Về con chung: chị T khai có 01 con chung là cháu Trần Thanh T3, sinh ngày 15/11/2010. Tại tòa, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Tòa án cũng đã tiến hành ghi lời khai cháu T3 và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xử giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị Thủy T. Xử cho chị T được ly hôn anh Trần Văn T1.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Trần Thanh T3, sinh ngày 15/11/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001260 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS,THA huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã P1;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phương - Hoài Đức Huệ

Dương Hữu Chí

Nơi nhận:

- TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- TAND tỉnh Đồng Nai;
 - VKS, THA huyện N;
 - Các đương sự;
 - UBND phường Thủ Thiêm;
 - Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

Dương Hữu Chí

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phương - Hoài Đức Huệ

Dương Hữu Chí